TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST Ngày: 13/5/2025 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13/5/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025 và quyết định hoãn số 70/2025/QĐST-DS ngày 25/4/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phạm Mẫn S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Nguyễn Thị L.

Vắng mặt không lý do: Anh Phạm Mẫn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009, chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Mẫn S quen biết nhau. Đến năm 2015, chị L và anh S tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 035/2015 ngày 01/4/2015. Sau khi kết hôn, chị L và anh S sống chung hạnh phúc tại nhà anh S. Đến năm

2022, khi sinh con tên Phạm Nguyễn Thiên Â thì phát sinh mâu thuẫn do anh S không phụ tiếp, giúp đỡ chăm sóc con. Chị L phải tự chăm lo cho con, trong khi anh S chỉ đi làm và dành thời gian cho bạn bè, chị L đã nhiều lần trình bày mong muốn của mình nhưng anh S vẫn không thay đổi để cùng chị L xây dựng hạnh phúc gia đình. Thời gian sống chung, hai vợ chồng cũng rất ít nói chuyện, không quan tâm nhau. Từ tháng 8/2024 cho đến nay, chị L cùng con về sống với cha mẹ ruột tại thị trấn L. Từ khi ly thân, anh S cũng không có ý định hàn gắn, thỉnh thoảng có rước con về nội chơi. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài, đời sống ly thân cũng lâu, nay chị L không còn tình cảm với anh S, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 22/6/2022, hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Phạm Mẫn S: Anh Phạm Mẫn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn là chị L chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh S không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn với anh S, giao con chung Thiên Ân cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Mẫn S cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Mẫn S cư trú tại địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị L, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/4/2025 và anh S vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị L và anh S đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 035/2015 ngày 01/4/2015 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Chị L cho rằng sau khi kết hôn, chị L và anh S sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 khi sinh con tên Thiên Â thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S không phụ tiếp chăm sóc con, anh S chỉ đi làm và dành nhiều thời gian cho bạn bè, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Từ tháng 8/2024, chị L và con về sống ở nhà ba mẹ ruột tại thị trấn L, chị L và anh S sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy, hôn giữa chị L và anh S là có phát sinh mâu thuẫn và đời sống ly thân kéo dài nên chị L không còn tình cảm với anh S. Hôn nhân của chị L và anh S đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. ; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*"

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị L hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng chị L cương quyết yêu cầu ly hôn. Đối với anh S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh S không có mặt theo thông báo và không có văn bản ý kiến thể hiện ý chí hàn gắn lại tình cảm với chị L. Cho nên, hôn nhân giữa chị L và anh S không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị L và anh S đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Mẫn S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung:

- Chị L và anh S thống nhất có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 22/6/2022. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị L là phù hợp, bởi lẽ: Xét điều kiện, khả năng của chị L có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đủ điều kiện kinh tế để trông nom Thiên Ân. Ngoài ra, từ trước đến nay Thiên Â đều sống chung với chị L nên tiếp tục giao con chung cho

chị L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho Thiên Â. Về phía anh S không có văn bản ý kiến tranh chấp nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung tên Phạm Nguyễn Thiên Â cho chị Liên tiếp T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật HNGĐ nên chấp nhận yêu cầu của chị L. Về phía anh S không có văn bản ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định: *"Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con."*. Cho nên, Hội đồng xét xử buộc anh Phạm Mẫn S cấp dưỡng nuôi con Phạm Nguyễn Thiên Â với mức cấp dưỡng là một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng, kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Sau khi ly hôn, chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S không có văn bản có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh Phạm Mẫn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng là 300.000 đồng theo quy định điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngay 16/5/2024 hướng dân áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Mẫn S.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 035/2015 ngày 01/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 22/6/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Phạm Mẫn S cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Thiên Â với mức cấp dưỡng là: một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng, kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005510 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Anh Phạm Mẫn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Mẫn S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến